

KHOA QUỐC TẾ
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**BÁO CÁO KHẢO SÁT TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM CỦA
SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẠC ĐẠI HỌC 2021**

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN KHẢO SÁT VÀ VIẾT BÁO CÁO:
KHOA QUỐC TẾ - ĐHQGHN

Hà Nội, 11/2021

MỤC LỤC

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG	3
1.1. Mục đích khảo sát	3
1.2. Nội dung khảo sát.....	3
1.3. Đối tượng, mẫu và phương pháp khảo sát	3
1.4. Thông tin sơ bộ về báo cáo khảo sát	4
PHẦN 2: KẾT QUẢ KHẢO SÁT VỀ TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM HIỆN TẠI	6
2.1. Tình trạng việc làm hiện tại	6
2.2. Thống kê số SVTN có việc làm chia theo khu vực làm việc.....	7
2.3. Thống kê số SVTN có việc làm chia theo lĩnh vực nghề nghiệp.....	7
2.4. Thống kê tỉ lệ SVTN có việc làm phù hợp với ngành đào tạo.....	7
2.5. Thống kê thời điểm SVTN có việc làm và vị trí việc làm tương ứng	7
2.6. Thống kê mức lương của SVTN có việc làm.....	8
2.7. Thống kê mức độ đáp ứng của kiến thức và kỹ năng so với yêu cầu công việc.....	8
2.8. Đề xuất, góp ý để tăng khả năng tuyển dụng và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động sau khi ra trường.....	8
2.9. Nhu cầu, quan tâm của SVTN về hoạt động hỗ trợ cựu sinh.....	9
PHẦN 3: TỔNG KẾT VÀ PHÂN TÍCH	10
3.1. Một số đặc điểm và kết quả trong khảo sát năm 2021	10
3.2. Công tác hướng nghiệp, định hướng đầu ra cho sinh viên cần được chú trọng.....	10
3.3. Về kiến thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu công việc.....	10
3.4. Hoạt động hỗ trợ cựu sinh viên.....	10
PHẦN 4: ĐỀ XUẤT VÀ HOẠT ĐỘNG DỰ KIẾN CHO NĂM HỌC 2021 - 2022 ...11	
4.1. Dự kiến điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh.....	11
4.4. Hoạt động nâng cao tỉ lệ và khả năng đáp ứng yêu cầu việc làm cho sinh viên.....	12
4.5. Dự kiến cải tiến công tác khảo sát tình hình việc làm SVTN.....	13

PHỤ LỤC	14
Phụ lục 1: Mẫu phiếu khảo sát, câu hỏi khảo sát	14
Phụ lục 3: Danh sách SVTN tham gia khảo sát	22

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Từ viết đầy đủ
1	KDQT	Kinh doanh quốc tế
2	KT, PT&KT	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
3	HTTTQL	Hệ thống thông tin quản lí
4	SVTN	Sinh viên tốt nghiệp
5	CTHSSV	Công tác học sinh sinh viên

DANH MỤC BẢNG BIỂU

STT	Tên	Trang
1	Bảng 1.1: Tổng quan kết quả khảo sát tình trạng việc làm hiện tại của SVTN 2020	6
2	Bảng 1.2: Thống kê thời điểm SVTN có việc làm và vị trí việc làm tương ứng	7

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

1.1. Mục đích khảo sát

Khảo sát tình trạng việc làm của SVTN tốt nghiệp trong năm 2021 bậc đại học của Khoa Quốc tế - ĐHQGHN được thực hiện với mục đích thu thập thông tin về tình trạng việc làm, khả năng đáp ứng công việc của nhà tuyển dụng, góp ý kiến về nội dung chương trình học, kiến thức, kỹ năng từ đó giúp Khoa Quốc tế điều chỉnh để hoàn thiện chương trình đào tạo, đổi mới dịch vụ sinh viên, hoạt động cựu sinh viên đồng thời tạo kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp nơi SVTN đang làm việc.

1.2. Nội dung khảo sát

Nội dung khảo sát bao gồm các mục sau:

- Tình hình việc làm hiện tại (có việc làm, đang đi học, chưa có việc làm)
- Lí do chưa có việc làm
- Khu vực việc làm
- Lĩnh vực công tác
- Thời điểm có việc làm (đầu tiên)
- Vị trí công việc (hiện tại)
- Mức thu nhập hiện tại hàng tháng
- Công việc hiện tại đúng hay trái chuyên ngành đào tạo
- Mức độ đáp ứng của kiến thức và kỹ năng mà cựu SVTN được đào tạo trong chương trình đã học so với yêu cầu công việc hiện tại (nếu đã có việc làm) và kỳ vọng (nếu chưa có việc làm)
- Góp ý của cựu SVTN đối với dịch vụ/kiến thức/kỹ năng Khoa Quốc tế cần bổ sung để tăng cơ hội việc làm và khả năng thích ứng với công việc cho SVTN
- Cung cấp thông tin chi tiết về nơi làm việc hiện tại (không bắt buộc)
- Cung cấp thông tin chi tiết về chương trình đào tạo (nếu đang học nâng cao)
- Khảo sát hoạt động phát triển mạng lưới cựu sinh viên mà SVTN quan tâm (alumni café, tư vấn hướng nghiệp, kết nối DN, mentoring, hội thảo chuyên môn, đào tạo kỹ năng mềm,...)

1.3. Đối tượng, mẫu và phương pháp khảo sát

- Đối tượng khảo sát: SVTN Khoa Quốc tế - ĐHQGHN đã tốt nghiệp bậc đại học năm 2020.

- Mẫu khảo sát: Khảo sát được thực hiện với **226 SVTN**
- Phương pháp khảo sát: Cuộc khảo sát được thực hiện bằng phương pháp lấy ý kiến trực tuyến thông qua mạng, gửi đường link phiếu khảo sát được gửi đến từng SVTN Khoa Quốc tế - ĐHQGHN.

Các hạng mục công việc cụ thể thực hiện được mô tả trong bảng sau đây:

Bước	Công việc
Bước 1	Xây dựng Kế hoạch khảo sát và xin ý kiến Ban Chủ nhiệm Khoa phê duyệt triển khai
Bước 2	Tập hợp cơ sở dữ liệu cựu SVTN (họ tên, email v.v.)
Bước 4	Rà soát yêu cầu theo công văn của ĐHQGHN về khảo sát việc làm, căn cứ nhu cầu của Khoa, Trung tâm ĐBCL&KT tiến hành xây dựng mục tiêu khảo sát, xây dựng bảng hỏi trên Google form.
Bước 5	Trung tâm ĐBCL&KT tiến hành mở khảo sát, gửi email mời SVTN tham gia khảo sát và theo dõi kết quả thực hiện. Đối với các cựu SVTN chưa thực hiện khảo sát, Khoa Quốc tế tiến hành gửi email nhắc nhở.
Bước 6	Kết thúc khảo sát đợt khảo sát, Khoa Quốc tế tiến hành: <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp và chuẩn hóa bộ dữ liệu (loại bỏ dữ liệu trùng) - Phân tích số liệu và viết báo cáo - Căn cứ trên phân tích số liệu và báo cáo, Trung tâm ĐBCL&KT gửi các đơn vị liên quan đề xuất, kiến nghị

1.4. Thông tin sơ bộ về báo cáo khảo sát

Báo cáo khảo sát tập trung cho 3 chương trình đào tạo chính quy do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng tốt nghiệp trong năm 2020. Các chương trình cử nhân khác do ĐHQGHN cấp bằng chưa có sinh viên tốt nghiệp. Kết quả sơ bộ về khảo sát như sau:

- Số lượng cựu SVTN dự kiến tham gia khảo sát: **226 cựu SVTN**
- Số lượng bảng hỏi được gửi đi: **226**
- Tổng số lượt nhắc nhở: **03 lần**
- Thời gian bắt đầu và kết thúc khảo sát: 11:00 ngày 1/10/2021 - 17:00 ngày 5/11/2021
- Tính đến thời điểm kết thúc có tổng số **180/226 SVTN tham gia khảo sát, đạt 80%**, trong đó:
 - + Ngành KDQT: 70/98 SVTN tham gia khảo sát, đạt **71%**

- + Ngành KT, PT&KT: 90/105 SVTN tham gia khảo sát, đạt **86%**
- + Ngành HTTTQL có 20/23 SVTN tham gia khảo sát, đạt **87%**
- Số lượng kết quả hợp lệ (đã điền đầy đủ các thông tin trong bảng khảo sát):
180/226 cựu SVTN.

PHẦN 2: KẾT QUẢ KHẢO SÁT VỀ TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM HIỆN TẠI**2.1. Tình trạng việc làm hiện tại**

Về tình trạng việc làm hiện tại, có **174/180** SVTN tham gia khảo sát phản hồi đã có việc làm (chiếm **97%**); **3/180** SVTN đang học nâng cao (chiếm **1,7%**); **3/180** SVTN chưa có việc làm (chiếm **1,7%**). Như vậy, tổng số SVTN đã có việc làm và đang học nâng cao là **177/180** chiếm **98,7%**.

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SVTN có việc làm/ tổng số sinh viên phản hồi	Tỷ lệ SVTN có việc làm/ tổng số sinh viên tốt nghiệp	Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/ TP)	
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tur nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài		
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(11)	(13)	(15)	(16)	(17)	(18)	(16)	
1	7340120	KDQT	104	77	70	54													
2	7340303	KT, PT&KT	99	80	90	61													
3	7340405	HTTTQL	23	16	20	13													
TỔNG SỐ LƯỢNG			226	173	180	128				3	3	98.7%	78.3%	2%	69%	2%	27%		
TỶ LỆ %																			

Bảng 1.1: Tổng quan kết quả khảo sát tình trạng việc làm hiện tại của SVTN 2020

Dưới đây là biểu đồ thống kê tình trạng việc làm của SVTN cho từng chương trình đào tạo và tổng các chương trình theo đơn vị tính là số lượng sinh viên. So sánh với dữ liệu Báo cáo việc làm năm 2020, tỉ lệ SVTN đã có việc làm hoặc đang học nâng cao của năm 2021 đạt cao hơn (97%) so với năm trước (82%).

2.2. Thống kê số SVTN có việc làm chia theo khu vực làm việc

Kết quả khảo sát cho thấy, tỉ lệ SVTN (đã có việc làm) chủ yếu đang làm việc trong khu vực “Doanh nghiệp tư nhân, cổ phần và TNHH” (69%) và khu vực “Tổ chức nước ngoài, liên doanh” (27%), 4% SVTN đang công tác tại các cơ quan nhà nước và tự tạo việc làm.

2.3. Thống kê số SVTN có việc làm chia theo lĩnh vực nghề nghiệp

Năm 2021, SVTN Khoa Quốc tế chủ yếu tập trung làm việc trong lĩnh vực “Thương mại/Dịch vụ” (20.7%), “Tài chính/Tín dụng” (17.2%), “Công nghệ thông tin” (13.8%), số còn lại chia đều trong các lĩnh vực xuất nhập khẩu, marketing, kỹ thuật, giáo dục và các lĩnh vực khác.

2.4. Thống kê tỉ lệ SVTN có việc làm phù hợp với ngành đào tạo

Theo kết quả phản hồi, SVTN của Khoa Quốc tế có tỉ lệ việc làm trùng chuyên ngành đào tạo khá cao, chiếm gần 38%, 31% đúng ngành đào tạo và 31% khác ngành đào tạo.

2.5. Thống kê thời điểm SVTN có việc làm và vị trí việc làm tương ứng

Điểm khác biệt trong kết quả khảo sát năm 2020 là tỉ lệ SVTN có việc làm trước tốt nghiệp đạt tỉ lệ rất cao (79%), số còn lại (21%) có việc làm trong giai đoạn 06 tháng sau khi tốt nghiệp.

TT	Ngành đào tạo (mã số/thí điểm)	Thời điểm có việc làm so với thời điểm tốt nghiệp				Vị trí việc làm hiện tại				
		Trước khi tốt nghiệp (%)	Dưới 6 tháng (%)	6 – 12 tháng (%)	Trên 12 tháng (%)	Nhân viên (%)	Trưởng nhóm (%)	Quản lý bậc trung (%)	Quản lý bậc cao (%)	Thực tập (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	KDQT, KT, PT&KT, HTTTQL	48.3	37.9	6.9	6.9	89.7	2.2	2.2	2.2	2.2

Bảng 1.2: Thống kê thời điểm SVTN có việc làm và vị trí việc làm tương ứng

Về vị trí việc làm, chủ yếu SVTN hiện vẫn đang giữ chức vụ “Nhân viên” (89.7%); Trưởng nhóm (2.2%), Quản lí bậc trung (2.2%), Quản lí bậc cao (2.2%).

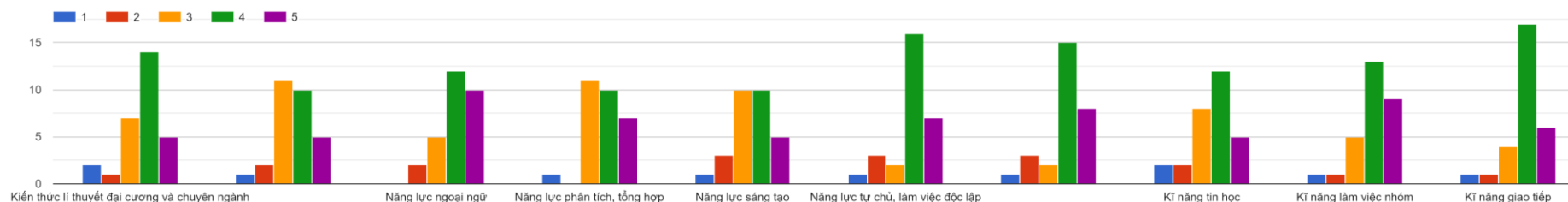
2.6. Thống kê mức lương của SVTN có việc làm

Mức lương trung bình/tháng của SVTN năm 2021 là 12.000.000 đ/tháng, cao hơn mức trung bình năm 2020 ở mức 8.000.000 đ/tháng, chia đều cho 03 ngành KDQT; KT, PT&KT; HTTTQL.

2.7. Thống kê mức độ đáp ứng của kiến thức và kỹ năng so với yêu cầu công việc

Số liệu báo cáo về kiến thức, kỹ năng cho thấy một số dấu hiệu tích cực. Mức độ đáp ứng của kiến thức và kỹ năng được đào tạo tại Khoa Quốc tế so với yêu cầu công việc thực tế ở mức tốt, rất tốt và trung bình theo thứ tự.

7. Bạn hãy cho biết mức độ đáp ứng của kiến thức và kỹ năng được đào tạo tại Khoa Quốc tế so với yêu cầu công việc thực tế hiện tại *(Đánh dấu mức độ đáp ứng cho từng mục: 1 = Hoàn toàn không tốt; 2 = Không tốt; 3 = Trung bình; 4 = Tốt; 5 = Rất tốt)



2.8. Đề xuất, góp ý để tăng khả năng tuyển dụng và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động sau khi ra trường

Ngoài kết quả mang tính chất định lượng, khảo sát đặt câu hỏi mở để SVTN cung cấp các đề xuất, góp ý giúp Khoa Quốc tế đổi mới, cải tiến chương trình đào tạo và các dịch vụ hỗ trợ người học, từ đó giúp sinh viên tăng khả năng tuyển dụng và đáp ứng tốt hơn yêu cầu

ngày một khắt khe của thị trường lao động. Toàn bộ ý kiến góp ý, đề xuất của sinh viên được giữ nguyên nhằm đảm bảo tính khách quan của khảo sát:

- Hoạt động kết nối doanh nghiệp
- Nhiều cơ hội việc làm thực tập độc quyền/ chất lượng hơn cho sinh viên năm 3, năm 4.
- Hoạt động tham vấn hướng nghiệp sinh viên: các vị trí sinh viên quan tâm qua khảo sát (có những vị trí sinh viên mong muốn làm nhưng cần được tư vấn vị trí đó trong lĩnh vực khác là gì, ...)
- Hoạt động phát triển kỹ năng mềm: cách viết CV, lưu ý khi phỏng vấn (trang phục, cách trả lời,...)
- Định hướng sinh viên tầm quan trọng của kỹ năng tin học
- Khuyến khích sinh viên đi làm từ sớm
- Về ngành MIS. Em nghĩ nên thêm 1 số bộ môn định hướng 1 số chuyên ngành IT hot hiện nay như Tester, BA. Năm cuối học chuyên ngành có thể định hướng để đào tạo chuyên sâu cho từng ngành
- Trường có thể mở 1 phòng tư vấn nghề nghiệp, phân tích dựa trên kinh nghiệm, kiến thức của sv để lựa ra môi trường làm việc và công ty phù hợp cho sv, hỗ trợ sửa CV, buổi pv demo giúp cho sv không bị ngỡ ngàng khi bước ra môi trường mới, mất nhiều thời gian để tìm ra công việc phù hợp và không có kinh nghiệm lựa chọn công ty phù hợp.

2.9. Nhu cầu, quan tâm của SVTN về hoạt động hỗ trợ cựu sinh

Từ kết quả khảo sát có thể dễ nhận thấy, SVTN quan tâm nhiều nhất đến hoạt động kết nối doanh nghiệp, phát triển kỹ năng và hội thảo chuyên môn nghề nghiệp. Đây sẽ là nguồn tham khảo trong tổ chức các hoạt động kết nối và hỗ trợ cựu sinh viên sau khi ra trường.

PHẦN 3: TỔNG KẾT VÀ PHÂN TÍCH

Từ kết quả khảo sát đã được tổng hợp cho 9 nhóm nội dung vấn đề trong Phần 2, Báo cáo khảo sát việc làm 2021 tổng kết và phân tích một số nội dung chính sau:

3.1. Một số đặc điểm và kết quả trong khảo sát năm 2021

Khảo sát năm 2021 có tỉ lệ phản hồi cao hơn, cụ thể 180/226 SVTN trả lời khảo sát tình trạng việc làm, đạt 80% (cao hơn năm 2020 là 63.89%). Kết quả tỉ lệ SVTN “Đã có việc làm” hoặc “Đang học nâng cao” của năm 2021 là 97%.

3.2. Công tác hướng nghiệp, định hướng đầu ra cho sinh viên cần được chú trọng

Đây là câu chuyện về mục tiêu đào tạo, kỳ vọng đầu ra và thực tế từ thị trường lao động, là nguồn tham khảo cho công tác định hướng sinh viên không trong các dịch vụ tham vấn và sự kiện hướng nghiệp, mà còn lồng ghép cả trong hoạt động giảng dạy, đào tạo, cố vấn học tập.

- Về khu vực việc làm, có sự chênh lệch rất lớn giữa kỳ vọng của SVTN và định hướng hiện tại của Khoa chú trọng hợp tác hướng SVTN vào làm việc tại các công ty, tập đoàn đa quốc gia (MNCs). Tuy nhiên, thực tế báo cáo chỉ ra rằng tỉ lệ SVTN làm trong các MNCs đạt 27%, trong khi đó khối “Doanh nghiệp tư nhân, cổ phần và TNHH” chiếm 67%.

- Về tỉ lệ SVTN có việc làm phù hợp với ngành đào tạo tuy tốt hơn nhưng vẫn là tỉ lệ khá khiêm tốn ở mức 31%.

- Về lĩnh vực nghề nghiệp, tỉ lệ công tác trong ngành thương mại dịch vụ là 20,7%, 17.2% trong ngành tài chính tín dụng và 13.8% trong ngành công nghệ thông tin.

- Mức lương trung bình của SVTN là 12 triệu đồng 1 tháng, tăng 4 triệu so với mức năm 2020.

3.3. Về kiến thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu công việc

SVTN phản hồi nhóm năng lực: sáng tạo, ngoại ngữ, tin học, phân tích tổng hợp chưa thực sự được đánh giá ở mức cao. Những thống kê mang tính định lượng này cũng đồng nhất với các ý kiến góp ý/đề xuất trong câu hỏi mở. SVTN đề xuất gia tăng các hoạt động mang tính thực hành, thực tế, kết nối DN, mời diễn giả từ DN tham gia giảng dạy.

3.4. Hoạt động hỗ trợ cựu sinh viên

Khi được hỏi về nhu cầu hoạt động hỗ trợ cựu sinh sau khi tốt nghiệp, SVTN đề xuất 3 nhóm hoạt động: Kết nối doanh nghiệp, Hội thảo chuyên môn và Đào tạo kỹ năng mềm. Những đề xuất này cũng hoàn toàn phù hợp với kết quả tổng kết số liệu cũng như góp ý, đề xuất của SVTN trong phần câu hỏi mở.

PHẦN 4: ĐỀ XUẤT VÀ HOẠT ĐỘNG DỰ KIẾN CHO NĂM HỌC 2021 - 2022

4.1. Dự kiến điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh

Kết quả khảo sát và các phân tích là một trong những cơ sở giúp Khoa Quốc tế kịp thời điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh cho các ngành đào tạo, không chỉ cho ngành Kinh doanh quốc tế và Kế toán, Phân tích, Kiểm toán, Hệ thống thông tin quản lý mà còn các ngành khác như dưới đây. Với việc sinh viên tốt nghiệp của Khoa có tỉ lệ việc làm cao và tỉ lệ sinh viên có việc làm đúng với chuyên ngành đào tạo ở mức Tốt, dự kiến trong năm 2022 Khoa sẽ tiếp tục duy trì quy mô tuyển sinh, đào tạo cơ bản như năm 2021 với ngành Kinh doanh quốc tế, Kế toán, Phân tích và Kiểm toán và Hệ thống thông tin quản lý. Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh phát triển Kinh tế số, chuyển đổi số nhu cầu nhân sự cao ở khối ngành Kỹ thuật, công nghệ thông tin cũng như việc hiện Khoa đang có một đội ngũ giảng viên chất lượng cao, đáp ứng tốt năng lực đào tạo, Khoa dự kiến tăng chỉ tiêu tuyển sinh ở các chương trình Phân tích Dữ liệu kinh doanh, Ngôn ngữ Anh, Tự động hóa và Tin học.

Trong năm 2022, căn cứ quy hoạch đào tạo của Khoa Quốc tế và thực tế triển khai công tác mở ngành đào tạo mới, cơ cấu ngành đào tạo của Khoa Quốc tế có một số điều chỉnh theo hướng đa dạng hóa loại hình đào tạo: bắt đầu đưa vào triển khai mô hình đồng cấp bằng (ĐHQGHN và đối tác nước ngoài); bằng kép nội bộ cho phép người học có nhiều sự lựa chọn ngành nghề ngay tại Khoa Quốc tế; đồng thời tiếp tục khai thác thế mạnh là cơ sở đào tạo có yếu tố nước ngoài để phát triển các chương trình liên kết quốc tế do đối tác cấp bằng, ưu tiên các ngành về Khoa học, Công nghệ, Máy tính (khối ngành V) để tạo sự cân bằng hơn với khối ngành III, tuy nhiên vẫn đảm bảo điều kiện thỏa mãn nhu cầu cao của xã hội về ngành nghề đào tạo.

a. Một số dự kiến trong việc điều chỉnh, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá

Về nội dung giảng dạy: Nội dung giảng dạy cập nhật, cá thể hóa (trên thế giới và thực tiễn Việt Nam)

Về phương pháp giảng dạy:

- Phương pháp giảng dạy tích cực, đa dạng hóa, gắn người học tham gia thảo luận (lý thuyết/ thực hành/thảo luận);

- Bài giảng/thuyết trình/thảo luận gắn với các phương tiện công nghệ thông tin;

- Giảng dạy có sự tham gia của chuyên gia/ guest speaker trong lĩnh vực chuyên môn;

Phương pháp kiểm tra đánh giá:

- Phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu chuẩn đầu ra của học phần;

- Phương pháp đa dạng, kết hợp nhiều phương pháp đánh giá.

b. Một số đề xuất điều chỉnh, đổi mới về điều kiện nâng cao chất lượng đào tạo (các nguồn lực/phương tiện hỗ trợ giảng dạy)

Về học liệu học tập

- Hệ thống giáo trình/Bài giảng điện tử;
- Hệ thống học liệu mở, kho học liệu điện tử;
- Tài liệu tham khảo, bài thực hành, thực tập, dự án nghề nghiệp;
- Hệ thống tài liệu liên kết bên ngoài.

Cơ sở vật chất lớp học, trang thiết bị dạy học:

Giảng đường; Trang thiết bị dạy học (Projector, máy chiếu, phần mềm tiện ích, bảng thông minh, thiết bị dạy học tối thiểu); Phòng học thông minh/ đa phương tiện; Phòng thực hành/phòng thực nghiệm ảo; Phòng thí nghiệm; Mô phỏng 3D thực hành; Phần mềm thực hành chuyên ngành (Kế toán/ Ngân hàng/ Dự án/ Phân tích dữ liệu...)

Thực tập, thực tế:

- Các chương trình thực tập, thực tế (trong và ngoài nước);
- Các thỏa thuận hợp tác thực tập thực tế ký kết với doanh nghiệp bên ngoài;

Khung chương trình đào tạo/ các yêu cầu chuẩn đầu ra chương trình/Mô hình đào tạo:

- Mục tiêu, chuẩn đầu ra chương trình;
- Học phần mới (Khởi nghiệp; Kỹ năng mềm; Trải nghiệm,...);
- Tỷ lệ giờ thực hành/ thực tập, thực tế/ giờ tự học;
- Mô hình đào tạo: đào tạo theo tín chỉ, đồng cấp bằng, 2+2, 3+1, đào tạo trực tuyến,...

Hệ thống quản lý đào tạo:

- Kế hoạch đào tạo khung/ Lịch trình đào tạo năm học/ Thực tập thực tế;
- Dữ liệu đào tạo (dữ liệu học tập sinh viên);
- Phần mềm quản lý đào tạo (dữ liệu đào tạo và quản lý lớp học);
- Văn bản quản lý đào tạo (Biểu mẫu/ Quy trình...).

4.4. Hoạt động nâng cao tỷ lệ và khả năng đáp ứng yêu cầu việc làm cho sinh viên

Hoạt động hướng nghiệp

Kết quả khảo sát SVTN 2021 một lần nữa khẳng định nhu cầu và sự đúng đắn trong định hướng chú trọng vào hoạt động hướng nghiệp của Khoa Quốc tế. Thực tế năm 2019-2020, Khoa đã tổ chức được Job Fairs cho xấp xỉ 1700 sinh viên, Diễn đàn tiếng nói trẻ Youthspeak 2019-2020 về hướng nghiệp cho gần 800 sinh viên, 05 chuyến tham quan doanh nghiệp cho 248 sinh viên, 110 ca tham vấn 1-1. Năm 2021-2022, Khoa dành sự ưu tiên và tiếp tục triển khai Job Fair, tọa đàm hướng nghiệp, thăm quan doanh nghiệp, dịch vụ tham vấn 1-1, phát triển các hoạt động cho các CLB nghề nghiệp cho sinh viên.

Hợp tác doanh nghiệp

Giai đoạn 2016-2019 là giai đoạn bản lề và phát triển mạnh mẽ hợp tác nhà trường – doanh nghiệp, hiện với 59 tổ chức, danh nghiệp chủ yếu các các MNCs. Năm 2021-2022, Khoa Quốc tế tiếp tục phát triển hợp tác đoàn diện với những doanh nghiệp đã và đang hợp tác, đồng thời tìm kiếm thêm các doanh nghiệp phù hợp với đào tạo đầu ra. Mục đích hợp tác nhà trường - doanh nghiệp sẽ chú trọng thúc đẩy các hoạt động đào tạo thực hành, tổ chức thăm quan doanh nghiệp, tìm địa chỉ thực tập, tăng cơ hội việc làm, huy động đội ngũ chuyên gia đến từ doanh nghiệp tham gia các hoạt động giảng dạy, tư vấn hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng mềm, vận động các nguồn tài trợ cho các dự án công đồng, dự án khởi nghiệp của sinh viên. Với mỗi đối tác, Khoa Quốc tế thiết lập kênh thông tin trao đổi thông tin và thường xuyên tiếp nhận các cơ hội thực tập, việc làm để phổ biến cho sinh viên.

Hoạt động đào tạo kỹ năng mềm

Thực tế năm học 2019-2020, Khoa đã tổ chức được 20 buổi đào tạo phát triển kỹ năng mềm cho hàng trăm lượt sinh viên tham gia, phản hồi đạt trên 80% ở mức Rất hài lòng và Hài lòng. Năm học 2021-2022, Khoa lên kế hoạch đào tạo tổng thể cho cả năm, với dự kiến số lượng 25-30 buổi (trung bình 2-3 buổi/tháng) cho tối đa 1200 sinh viên (trung bình 40 sinh viên/buổi), chủ đề đồng đều ở 3 mảng kỹ năng sống, học tập và nghề nghiệp. Các buổi workshop chủ yếu đặt yêu cầu cao về tính thực thành và học qua trải nghiệm nhằm tạo thay đổi từ nhận thức đến kỹ năng cho sinh viên.

4.5. Dự kiến cải tiến công tác khảo sát tình hình việc làm SVTN

Năm học 2021-2022, Khoa Quốc tế tiếp tục chủ động triển khai khảo sát việc làm (thay vì thuê Công ty Vinatest), lồng ghép các nội dung khảo sát phù hợp với thực tế và yêu cầu tại Khoa. Dự kiến, khảo sát SVTN năm 2022 cần làm rõ hơn về đối tượng khảo sát, cụ thể là sẽ chỉ tập trung vào khảo sát SVTN năm 2021 hay cả tình trạng việc làm của SVTN 20120. Nếu ĐHQGHN vẫn yêu cầu thống kê tình trạng việc làm của SVTN sau 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, bắt buộc đối tượng khảo sát cần bao gồm cả SVTN năm 2020. Khảo sát năm 2022 sẽ tiếp tục đối sánh dữ liệu, không chỉ với kết quả năm 2021 mà còn so sánh với khảo sát sinh viên mới nhập học để chỉ ra kỳ vọng và thực tế, từ đó tạo cơ sở giúp công tác hướng nghiệp được triển khai hiệu quả và từng nhóm vấn đề cụ thể hơn.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Mẫu phiếu khảo sát, câu hỏi khảo sát

Phiếu khảo sát dành cho SVTN đã có việc làm

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA QUỐC TẾ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU KHẢO SÁT TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẬC ĐẠI HỌC NĂM HỌC

Thân gửi các anh/chi tân cử nhân,

Theo Quy định bắt buộc của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN, hàng năm Khoa Quốc tế triển khai khảo sát nhằm đánh giá tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, làm cơ sở để cung cấp dịch vụ hỗ trợ phù hợp cho cựu sinh viên, đồng thời tổng hợp ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và hoạt động hỗ trợ sinh viên hiện tại. Những ý kiến khách quan, thẳng thắn của các bạn sẽ giúp nhà trường nhìn rõ hơn những điểm mạnh, điểm tồn tại của mỗi chương trình đào tạo. Nhà trường cam kết mọi câu trả lời, thông tin cá nhân của các bạn sẽ được bảo mật hoàn toàn!

Trân trọng cảm ơn!

THÔNG TIN CHUNG

Họ tên: Ngày sinh: Mã sinh viên:
Tên lớp: Ngành đào tạo:
Điện thoại: Email:

TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM

1. Tình hình việc làm hiện tại:

(Tick vào 1 trong 2 ô dưới đây)

- Đã có việc làm
- Đã có việc làm và đang đi học

2. Khu vực việc làm thuộc:

(Chỉ chọn 1 khu vực)

- Cơ quan/doanh nghiệp nhà nước
- Doanh nghiệp tư nhân, cổ phần, TNHH
- Tổ chức, liên doanh nước ngoài
- Tự tạo việc làm, doanh nghiệp riêng

Khác (nêu rõ).....

3. Lĩnh vực công tác:

(Chỉ chọn 1 lĩnh vực)

- | | |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Giáo dục | <input type="checkbox"/> Tài chính/Tín dụng |
| <input type="checkbox"/> Công nghệ thông tin | <input type="checkbox"/> Kỹ thuật |
| <input type="checkbox"/> Thương mại/Dịch vụ | <input type="checkbox"/> Mỹ thuật/Thiết kế |
| <input type="checkbox"/> Xuất nhập khẩu | <input type="checkbox"/> Du lịch/Nhà hàng/Khách sạn |
| <input type="checkbox"/> Xây dựng/Vận tải/Điện lực | <input type="checkbox"/> Nông lâm ngư nghiệp |
| <input type="checkbox"/> Marketing | <input type="checkbox"/> Luật |
| <input type="checkbox"/> Y - Dược | <input type="checkbox"/> Khác (nêu rõ): |

4. Thời điểm có việc làm (đầu tiên):

(Chỉ chọn 1)

- Trước khi tốt nghiệp
- 06 tháng sau khi tốt nghiệp
- 06 tháng - 12 tháng sau khi tốt nghiệp
- Trên 12 tháng sau khi tốt nghiệp

5. Vị trí việc làm (hiện tại):

(Chỉ chọn 1)

- Nhân viên
- Trưởng nhóm
- Quản lí bậc trung
- Quản lí bậc cao
- Vị trí khác (nêu rõ):

6. Mức thu nhập trung bình hiện tại hàng tháng:

7. Anh/chị cho biết mức độ đáp ứng của kiến thức và kĩ năng được đào tạo tại Khoa Quốc tế so với yêu cầu công việc thực tế hiện tại.

(Tick mức độ đáp ứng cho từng mục: 1 = Hoàn toàn không tốt; 2 = Không tốt; 3 = Trung bình; 4 = Tốt; 5 = Rất tốt)

- | | | | | | |
|---|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|
| ✓ Kiến thức lí thuyết đại cương và chuyên ngành | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Kiến thức thực tế liên quan đến ngành học | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Năng lực ngoại ngữ | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Năng lực phân tích, tổng hợp | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Năng lực sáng tạo | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Năng lực tự chủ, làm việc độc lập | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |

- | | | | | | |
|---------------------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|
| ✓ Năng lực và tư duy hội nhập quốc tế | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Kỹ năng tin học | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Kỹ năng làm việc nhóm | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Kỹ năng giao tiếp | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |

8. Bạn có góp ý, đề xuất gì cho Khoa Quốc tế để tăng khả năng tuyển dụng của sinh viên và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động sau khi ra trường

(VD: Các hoạt động tham vấn hướng nghiệp, tạo đàn, hội thảo hướng nghiệp; thông tin về cơ hội thực tập việc làm; hoạt động kết nối doanh nghiệp; hoạt động phát triển kỹ năng mềm; phát triển các CLB học thuật,....)

9. Công việc của anh/chị:

(Chỉ chọn 1)

- Đúng chuyên ngành đào tạo
- Khác chuyên ngành đào tạo

10. Hoạt động hỗ trợ cựu sinh viên nào dưới đây phù hợp với sự quan tâm của anh/chị?

(Có thể chọn nhiều hơn 1 hoạt động)

- Alumni café
- Tư vấn tâm lí
- Kết nối DN
- Mentoring
- Hội thảo chuyên môn
- CLB thể thao
- Family BBQ
- Dã ngoại
- Đào tạo kỹ năng mềm
- Khác (nêu rõ):

11. Nếu đã có việc làm, anh/chị vui lòng cung cấp thông tin dưới đây để Khoa Quốc tế tổ chức các hoạt động hỗ trợ phù hợp và cập nhật vào CSDL cựu sinh viên:

(Điền thông tin)

- ✓ Tên vị trí công việc:
- ✓ Tên Phòng/Ban chức năng:
- ✓ Tên tổ chức:

✓ Địa chỉ làm việc:

✓ Email cơ quan:

12. Bạn có muốn nhận được thông tin cập nhật về các cơ hội việc làm từ Khoa Quốc tế, ĐHQGHN sau khi tốt nghiệp không?

(Chỉ chọn 1)

Có

Không

*Xin chân thành cảm ơn và chúc anh/chị khởi đầu một hành trình mới nhiều thuận lợi,
may mắn và thành công!*

Phiếu khảo sát dành cho SVTN chưa có việc làm

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA QUỐC TẾ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHIẾU KHẢO SÁT TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN
TỐT NGHIỆP BẬC ĐẠI HỌC NĂM HỌC**

Thân gửi các anh/chi tân cử nhân,

Theo Quy định bắt buộc của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN, hàng năm Khoa Quốc tế triển khai khảo sát nhằm đánh giá tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, làm cơ sở để cung cấp dịch vụ hỗ trợ phù hợp cho cựu sinh viên, đồng thời tổng hợp ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và hoạt động hỗ trợ sinh viên hiện tại. Những ý kiến khách quan, thẳng thắn của các bạn sẽ giúp nhà trường nhìn rõ hơn những điểm mạnh, điểm tồn tại của mỗi chương trình đào tạo. Nhà trường cam kết mọi câu trả lời, thông tin cá nhân của các bạn sẽ được bảo mật hoàn toàn!

Trân trọng cảm ơn!

THÔNG TIN CHUNG

Họ tên: Ngày sinh: Mã sinh viên:

Tên lớp: Ngành đào tạo:

Điện thoại: Email:

TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM

1. Tình hình việc làm hiện tại:

(Tick vào 1 trong 2 ô dưới đây)

- Chưa có việc làm
- Đang đi học

2. Lí do bạn chưa có việc làm

(Có thể chọn hơn 1 lí do)

- Chưa tìm được công việc phù hợp
- Mức lương chưa đáp ứng kỳ vọng
- Thiếu kĩ năng tìm kiếm và xin việc
- Kiến thức và kĩ năng chưa đáp ứng yêu cầu công việc đã ứng tuyển

- Lí do khác

3. Bạn mong muốn cơ hội việc làm thuộc khối:

(Có thể chọn hơn 1 khối)

- Cơ quan/doanh nghiệp nhà nước
 Doanh nghiệp tư nhân, cổ phần, TNHH
 Tổ chức, liên doanh nước ngoài
 Tự tạo việc làm, doanh nghiệp riêng
 Khác

4. Bạn mong muốn làm việc trong lĩnh vực:

(Chỉ chọn 1 lĩnh vực)

- | | |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Giáo dục | <input type="checkbox"/> Tài chính/Tín dụng |
| <input type="checkbox"/> Công nghệ thông tin | <input type="checkbox"/> Kỹ thuật |
| <input type="checkbox"/> Thương mại/Dịch vụ | <input type="checkbox"/> Mỹ thuật/Thiết kế |
| <input type="checkbox"/> Xuất nhập khẩu | <input type="checkbox"/> Du lịch/Nhà hàng/Khách sạn |
| <input type="checkbox"/> Xây dựng/Vận tải/Điện lực | <input type="checkbox"/> Nông lâm ngư nghiệp |
| <input type="checkbox"/> Marketing | <input type="checkbox"/> Luật |
| <input type="checkbox"/> Y - Dược | <input type="checkbox"/> Khác (nêu rõ): |

5. Bạn mong muốn làm ở vị trí việc làm:

(Chỉ chọn 1)

- Nhân viên
 Trưởng nhóm
 Quản lí bậc trung
 Quản lí bậc cao
 Vị trí khác (nêu rõ):

6. Mức thu nhập trung bình hàng tháng bạn kỳ vọng là:

7. Bạn đánh giá như thế nào về mức độ đáp ứng của kiến thức và kĩ năng được đào tạo tại Khoa Quốc tế so với yêu cầu của thị trường lao động

(Tick mức độ đáp ứng cho từng mục: 1 = Hoàn toàn không tốt; 2 = Không tốt; 3 = Trung bình; 4 = Tốt; 5 = Rất tốt)

- | | | | | | |
|---|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|
| ✓ Kiến thức lí thuyết đại cương và chuyên ngành | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Kiến thức thực tế liên quan đến ngành học | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Năng lực ngoại ngữ | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Năng lực phân tích, tổng hợp | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Năng lực sáng tạo | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |

- | | | | | | |
|---------------------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|
| ✓ Năng lực tự chủ, làm việc độc lập | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Năng lực và tư duy hội nhập quốc tế | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Kỹ năng tin học | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Kỹ năng làm việc nhóm | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Kỹ năng giao tiếp | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |

8. Bạn có góp ý, đề xuất gì cho Khoa Quốc tế để tăng khả năng tuyển dụng của sinh viên và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động sau khi ra trường

(VD: Các hoạt động tham vấn hướng nghiệp, tạo đàn, hội thảo hướng nghiệp; thông tin về cơ hội thực tập việc làm; hoạt động kết nối doanh nghiệp; hoạt động phát triển kỹ năng mềm; phát triển các CLB học thuật,....)

.....

9. Bạn kì vọng công việc của mình:

(Chỉ chọn 1)

- Đúng chuyên ngành đào tạo
- Khác chuyên ngành đào tạo
- Cả hai đều được

10. Hoạt động hỗ trợ cựu sinh viên nào dưới đây phù hợp với sự quan tâm của anh/chị?

(Có thể chọn nhiều hơn 1 hoạt động)

- Alumni café
- Tư vấn tâm lí
- Kết nối DN
- Mentoring
- Hội thảo chuyên môn
- CLB thể thao
- Family BBQ
- Dã ngoại
- Đào tạo kỹ năng mềm
- Khác (nêu rõ):

.....

11. Bạn có muốn nhận được thông tin cập nhật về các cơ hội việc làm từ Khoa Quốc tế, ĐHQGHN sau khi tốt nghiệp không?

(Chỉ chọn 1)

- Có
- Không

*Xin chân thành cảm ơn và chúc anh/chị khởi đầu một hành trình mới nhiều thuận lợi,
may mắn và thành công!*